TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ HUOAI** **TỈNH L ĐỒNG** Số: 18/2019/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Đ Huoai, ngày 17 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2019/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L – sinh năm: 1990

Trú tại: Thôn 1 – xã H – huyện Đ – tỉnh L.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn V – sinh năm: 1992.

Trú tại: Số A – đường L – tổ dân phố B – thị trấn Đ – huyện Đ – tỉnh L.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị L và ông Bùi Văn V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Bùi Văn V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 01 con chung Bùi Kim D – sinh ngày 31/01/2018 cho bà Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cho đến tuổi thành niên.

Ông Bùi Văn V không cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Kim D – sinh ngày 31/01/2018 .

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

- Về án phí: Bà Lê Thị L phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Lê Thị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí tòa án số AA /2016/ 0003904 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ - tỉnh L. Bà Lê Thị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh L Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đ Huoai;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hà Giang

(Giấy chứng nhận kết hôn số: 50, quyển số: 01/09 do Ủy ban nhân dân thị trấn Mađaguôi – huyện Đ H - tinh LĐ cấp ngày 05/8/2009 hết hiệu lực pháp luật).

(Giấy chứng nhận kết hôn số 19/2017 do Ủy ban nhân dân thị trấn Mađaguôi – huyện Đ H - tinh LĐ cấp ngày 16/3/2017 hết hiệu lực pháp luật).